TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:43/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22-5-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quốc Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Lệ Hoa

2. Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phượng Kiều là Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau *tham gia phiên tòa*: Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2020/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã H, Thới Bình, Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đ được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 12/10/2011. Thời gian chung sống do anh Đ đam mê cờ bạc, phá tán tài sản gia đình, dẫn đến vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên đã ly thân hơn một năm nay. Gia đình hai bên có hàn gắn rất nhiều lần nhưng không thành. Chị B xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh Đ được nữa nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Đ có hai người con chung là Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 25/5/2005 và Nguyễn Hồng Nh, sinh ngày 16/6/2008, hiện do anh Đ đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của pháp luật; về nội dung vụ án thì các yêu cầu của chị B về hôn nhân; về con chung là có cơ sở chấp nhận, về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không đặt ra nên không xem xét; về tài sản, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chị B yêu cầu ly hôn với anh Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Chị B, anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm lần thứ hai, chị B vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt còn anh Đ vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị B và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống do không tôn trọng nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc cho nên anh, chị đã ly thân với nhau, gia đình hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Điều đó, cho thấy hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét về tình trạng hôn nhân và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân

huyện Thới Bình về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu của chị B được ly hôn với anh Đ.

[2] Về con chung: Chị B yêu cầu nuôi dưỡng các con chung. Xét thấy, các cháu Ng và Nh đều là nữ các cháu đang ở độ tuổi phát triển tâm sinh lý nên chung sống với mẹ sẽ phù hợp hơn. Mặc khác, anh Đ không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị B giao các cháu Ng và Nh cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng. Các đương sự không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị B phải chịu số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do chị B đã nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn Đ.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 25/5/2005 và Nguyễn Hồng Nh, sinh ngày 16/6/2008 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, các đương sự không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 14/02/2020 chị B đã nộp tạm ứng án phí số tiền

300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010979 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị B, anh Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quốc Văn